

- Thời cơ (Opportunity). Ở đây thường dùng các phương pháp phân tích kỹ thuật, nếu chớp 'thời cơ' là chớp ngay mua hoặc bán ngay cổ phiếu;

- Thị trường trung lập (Neutral Market) nhằm vô hiệu hóa rủi ro người quản lý quỹ 'Hedge' đồng thời vừa mua, vừa bán cổ phiếu, nghĩa là phải biết phân tích đánh giá triển vọng dài hạn và ngắn hạn của các loại cổ phiếu.

- Các thị trường đang nổi lên (Emerging Markets). Đây là thị trường cần được các nhà quản lý quỹ 'Hedge' quan tâm lựa chọn. Trước mắt các thị trường này có thể chưa đạt hiệu quả như các thị trường ở Phương Tây, song về lâu về dài, thì lại là các thị trường có nhiều khả năng buôn bán chứng khoán.

- Cơ chế khả chuyển (Convertible Arbitrate). Đây là chiến lược của thị trường trung lập. Theo chiến lược này có thể bán cổ phiếu của các công ty ra thị trường và mua trái phiếu có thể chuyển đổi (convertible bond). Bất luận thị trường biến đổi như thế nào thì lãi của vị thế (cổ phiếu) này vẫn trang trải được sự thua thiệt của vị thế (cổ phiếu) khác.

- Đường lợi nhuận (Fitted income/yield curve). Đây là trường hợp phải xem xét đánh giá đồng thời cả khả năng trước mắt và triển vọng lâu dài, nghĩa là đồng thời vừa mua vừa bán các 'bonds' (trái phiếu). Ở đây thường phải sử dụng các đôn bẫy

tài chính bổ sung và công cụ tài chính phái sinh để đạt được lợi thế tối đa về giá.

Trong trường hợp đặc biệt, người quản lý quỹ 'hedge' có thể phải tính đến các tình huống không liên quan đến thị trường nói chung (như có thể mua cổ phiếu của những công ty, doanh nghiệp đang bị sáp nhập, hợp nhất hay bên bờ phá sản).

Giới tài chính và doanh nghiệp Mỹ cho rằng, nói chung so với quỹ 'Mutual', quỹ 'hedge' hoàn lại quỹ đầy đủ hơn và nhiều hơn bởi vì quỹ 'hedge' luôn tìm cách bỏ vốn vào những chỗ có lợi nhất, nhưng cũng thường gặp rủi ro cao.

Các nhà phân tích thị trường chứng khoán cho rằng, việc cho người quản lý quỹ 'hedgre' nhiều quyền hành và không bị các nhà đầu tư kiểm soát hoạt động đã tạo cho người đó nhiều cơ hội sử dụng quỹ một cách linh hoạt, song cũng tạo cho quỹ không ít chi phí rủi ro.

Để giúp các nhà đầu tư 'chọn mặt gửi vàng' bảo toàn và phát triển được vốn, mới đây hãng môi giới chứng khoán 'Morgan Stanley' đã thu thập các thông tin, tư liệu cần thiết của 500 công ty hàng đầu thế giới rồi phân tích đánh giá và xếp hạng về triển vọng các mặt hàng được nhiều người hâm mộ nhất, nghĩa là các công ty có cổ phiếu đắt khách hàng nhất ■

Nguồn: *Tạp chí Tiên tộ - Tin dụng (Nga)*

NAFTA 10 NĂM: THÀNH TỰU NỔI BẬT VỀ THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

Mới đây, ngày 15-16/7/2004, Hội đồng Thương mại Tự do NAFTA đã họp tại San Antonio, Texas (Mỹ) để đánh giá thành công của NAFTA trong 10 năm qua và thúc đẩy hơn nữa liên kết kinh tế trong khu vực trong tương lai.

Khu vực thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/1994, là một khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới với dân số khoảng 350 triệu người, GDP hơn 12.000 tỷ USD. Tại Hội nghị, đại diện thương mại Mỹ Robert Zoellick cùng với Bộ trưởng Kinh

tế Mexico Fernando Canales và Bộ trưởng Thương mại quốc tế Canada James Peterson đã đưa ra báo cáo chung “một thập kỷ thành công” của NAFTA. Theo báo cáo này, dù bằng thước đo nào thì NAFTA cũng có thành công nhất định.

Như ý tưởng xây dựng ban đầu, NAFTA đã dần loại bỏ các rào cản thuế quan và phi thuế quan đối với thương mại hàng hoá, tiếp cận sâu hơn đến thương mại dịch vụ, thiết lập các qui tắc đầu tư, tăng cường bảo vệ quyền sáng chế..., từ đó thúc đẩy hoạt động thương mại và đầu tư, tăng việc làm và tăng khả năng cạnh tranh của các nền kinh tế trong khu vực.

Báo cáo đã chỉ ra một sự tăng trưởng hơn 100% trong thương mại ba chiều giữa Mỹ, Canada và Mexico. Khi thuế quan cho tất cả các hàng hoá và đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp được loại bỏ, tất yếu quan hệ thương mại sẽ có sự cải thiện lớn hơn. Chẳng hạn, trước khi có NAFTA, thuế quan của Mexico đối với hàng hoá từ Mỹ rất cao (bình quân khoảng 10%), nhưng hiện nay, có tới 85% hàng hoá của Mỹ vào Mexico được miễn thuế và tất cả thuế quan này sẽ được loại bỏ hoàn toàn vào năm 2008. Tương tự, hàng hoá của Mexico cũng được hưởng ưu đãi từ việc loại bỏ rào cản thuế như vậy. Vì vậy, thương mại trong khu vực có sự liên kết chặt chẽ hơn, có đến 90% xuất khẩu của Mexico là sang Mỹ và 62% nhập khẩu của Mexico từ Mỹ. Còn Canada, 83% xuất khẩu hàng hoá sang Mỹ và 70% nhập khẩu của Canada từ Mỹ. Thương mại hàng hoá giữa Mỹ và Canada đã tăng hơn 120%, nếu tính cả thương mại dịch vụ thì tỷ lệ này gần 140%. Tổng thương mại giữa ba nước đạt hơn 623 tỷ USD (2003) nhiều hơn gấp đôi so với mức trước khi có NAFTA với 306 tỷ USD (1993). Quan hệ thương mại giữa Canada với Mexico trước NAFTA rất mờ nhạt, sau đó nó tăng rất nhanh bình quân hàng năm khoảng 14% từ 1994-2002.

Khi thương mại bùng nổ thì đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng phát triển theo. Từ 1994-2003, FDI cộng dồn trong ba nước đạt hơn 1,7 nghìn tỷ USD. Trong khi ba nước này vẫn nhận được dòng FDI khiêm tốn trước và sau năm 1994, thì FDI đã tăng từ 63 tỷ USD trong thời kỳ 1989-1994 tới 202 tỷ USD trong thời kỳ 1995-2000, một sự gia tăng hơn 200% tính theo đôla Mỹ.

Các quan chức thương mại trong khu vực đều cho rằng NAFTA đã tạo ra lợi thế nổi bật, đôi khi còn hơn cả mong chờ. Sự di chuyển hàng hoá và con người dễ dàng hơn đã tạo ra liên kết quốc tế mạnh hơn giữa ba nước, tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch, và giúp hiểu biết sâu sắc hơn do trao đổi văn hoá và ý tưởng thường xuyên. Tất cả các nước NAFTA đều có lợi từ sự đa dạng hơn về con người, ngôn ngữ... được tạo ra bởi một xã hội mở rộng hơn về quốc tế.

Báo cáo của Hội đồng thương mại tự do NAFTA cũng ghi nhận thành công của Hiệp định về hợp tác môi trường và hợp tác lao động ở khu vực Bắc Mỹ. Đánh dấu một sự cải thiện hiệu quả về hoạt động môi trường và điều kiện làm việc trong khu vực.

Thành công của NAFTA đã khuyến khích các nước trong khối thúc đẩy đàm phán về thương mại tự do và thu lợi từ nó. Điển hình là Mỹ, đã đàm phán một loạt các hiệp định thương mại tự do với các nước trên khắp thế giới như Singapore, Chile, Australia...

Mặc dù vậy, các quan chức thương mại khu vực cũng chỉ ra rằng, các thành viên NAFTA không được thoả mãn với những thành công đã đạt được mà còn phải thúc đẩy liên kết kinh tế sâu sắc hơn nữa ở khu vực Bắc Mỹ để tạo ra nhiều lợi ích hơn nữa cho nhà kinh doanh, người lao động và người tiêu dùng. Với việc thuế quan và hạn ngạch được loại bỏ, những người có trách nhiệm sẽ phải tìm kiếm thêm các

cách khác để đẩy mạnh thương mại và đầu tư bằng việc hạ thấp chi phí giao dịch và những gánh nặng quản lý khác, và sắp tới phải tự do hoá hơn nữa lĩnh vực hoá chất, dược phẩm, nhựa, cao su, mô tô, giày dép. Báo cáo cũng nêu rõ, các quan chức cũng sẽ tìm kiếm các cách để liên kết hơn nữa các nền kinh tế Bắc Mỹ thông qua thương mại và tăng cạnh tranh trong một thế giới mà các nguồn lực được sử dụng toàn cầu. Ngoài ra, tăng cường hợp tác trong các vấn đề xã hội như giải quyết các vấn đề sức khoẻ cộng đồng, ma tuý, khủng bố...

Tuy nhiên, không phải NAFTA đã giải quyết được mọi vấn đề, vẫn có những người ủng hộ và những người phản đối nó. Những chỉ trích đối với NAFTA chủ yếu liên quan đến việc làm và đời sống xã hội. Thật khó có thể xác định được việc làm rớt do NAFTA tạo ra, do đó có những quan điểm trái ngược nhau mà ta khó có thể kiểm chứng. Người ta chỉ trích NAFTA đã làm giảm sản xuất công nghiệp của Mỹ và chuyển việc làm ra nước ngoài. Bên cạnh đó, có nhiều nghiên cứu khẳng định rằng NAFTA không gây ảnh hưởng lớn tới việc làm ở Mỹ. Còn ở

Canada, Chính phủ cho rằng đã có 2,1 triệu việc làm được tạo ra từ khi NAFTA đi vào hoạt động nhưng Đảng lao động Canada thì cho rằng việc làm trong lĩnh vực sản xuất của Canada thấp hơn 10% so với mức trước NAFTA, trong khi lương vẫn giữ nguyên hoặc giảm. Liên đoàn công nhân ngành ô tô của Canada cho rằng có 7.000 việc làm ở bộ phận lắp ráp của Canada đã chuyển sang Mexico, rất nhiều việc làm đó sau này lại chuyển sang Trung Quốc, nơi có lao động rẻ hơn nữa.

Một báo cáo gần đây từ Carnegie Endowment for International Peace cho rằng NAFTA đã thất bại trong việc tạo ra việc làm ở Mexico. Hàng trăm ngàn nông dân đang sinh sống ổn định đã đánh mất cuộc sống của họ do họ không thể điều chỉnh sản xuất theo kịp thay đổi về thuế quan theo hướng có lợi. Ngay cả Ngân hàng thế giới (được coi là ủng hộ thương mại tự do và toàn cầu hoá) cũng tuyên bố trong một nghiên cứu tháng 12/2003 là khoảng cách giàu nghèo ở Mexico vẫn không hề được cải thiện ■

Nguyễn Xuân Trung tổng hợp từ nguồn:
<http://usinfo.state.gov/>

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC TĂNG LÃI SUẤT ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ MỸ

Theo Nhật báo Wall Street, gần đây kinh tế Mỹ đã có những dấu hiệu tăng trưởng và tỷ lệ lạm phát ở mức thấp. Trong 4 tháng đầu năm 2004, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,4%. Các nhà nghiên cứu cho rằng, lạm phát có thể không đe dọa tới quá trình phục hồi, song sức ép đang gia tăng tại khu vực này đánh dấu sự thay đổi lớn về cách ấn định giá.

Tuy nhiên, các quan chức của Bộ Thương mại Mỹ cho biết, trong tháng 5/2004, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 1,2% so với 0,6% của tháng 4/2002. Điều này chứng tỏ nền kinh tế Mỹ đang tiếp tục tăng trưởng với những cải thiện đáng kể trên thị trường lao động, đồng thời tình trạng tăng giá nhanh của nhiên liệu đã gây ra tác động tiêu cực